

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HSST
Ngày 05 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Toàn và ông Ngô Mậu Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Lộc Nhung, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 13/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 22/4/2020 đối với các bị cáo:

- Nguyễn Văn T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1991 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1958 và bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1956; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Lệ Thủy từ ngày 04 tháng 12 năm 2019 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt.

- Lê Đức Tr, sinh ngày 24/4/1991 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Ph, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức H, sinh năm 1970 và bà Trần Thị D, sinh năm 1963. Vợ Nguyễn Thị Hương Gi (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Lệ Thủy từ ngày 09 tháng 12 năm 2019 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt.

- Lê Văn M, sinh ngày 06/7/1993 tại huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn H, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn

giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ch, sinh năm 1971 và bà Võ Thị L, sinh năm 1973. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Lệ Thủy từ ngày 09 tháng 12 năm 2019 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt.

- Lê Văn Th, sinh ngày 02/11/1992 tại huyện H, tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C, sinh năm 1961 và bà Trương Thị X, sinh năm 1964. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Lệ Thủy từ ngày 09 tháng 12 năm 2019 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt.

- Lê Văn H, tên gọi khác: R, sinh ngày 05/9/2000 tại huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn H, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1979 và bà Võ Thị D, sinh năm 1974. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Lệ Thủy từ ngày 09 tháng 12 năm 2019 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/12/2019, tại nhà trọ của bà Dương Thị Ngh, ở M, S, L, Quảng Bình, Nguyễn Văn T ngồi xem Lê Đức Tr, Lê Văn M, Lê Văn H, Lê Văn Th đánh bài dưới hình thức bài cào tó. Trong lúc đánh bài, Lê Đức Tr đề nghị góp mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy về dùng chung, M, H, Th đều đồng ý và mỗi người góp 100.000 đồng, Tr góp 200.000 đồng. M trực tiếp gọi điện thoại cho một người tên C không rõ danh tính và địa chỉ cụ thể để hỏi mua ma túy, C đồng ý bán 06 viên ma túy dạng hồng phiến với giá 500.000 đồng. Sau đó, Tr đưa cho T 500.000 đồng, M đưa điện thoại di động của M cho T và nhờ T đến địa điểm đã hẹn trước gặp C mua ma túy về sử dụng, T đồng ý. T cầm 500.000 đồng cùng điện thoại di động rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75C1-202.71 của M đến gặp C trước nhà nghỉ D thuộc xã V, Q, Quảng Bình và mua ma túy của C. Khi T điều khiển xe về đến nhà bà Ngh thì bị Tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Lệ Thủy và Đoàn Công an Lệ Ninh bắt quả tang. Qua kiểm tra, phát hiện trên tay trái của Nguyễn Văn T có 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa 06 viên nén màu hồng, T khai nhận là ma túy loại hồng phiến.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 06 viên nén màu hồng, 03 điện thoại di động, 01 xe mô tô, 1.570.000 đồng tiền mặt.

Tại bản kết luận giám định số 1007/GĐ-PC09 ngày 06/12/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 06 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ ở Nguyễn Văn T là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,568g. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 323, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP. Quá trình giám định đã sử dụng hết 0,133g, hoàn trả cơ quan trưng cầu mẫu sau giám định 0,435g và vỏ bao gói.

Bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSNDLT ngày 13/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố Nguyễn Văn T, Lê Đức Tr, Lê Văn M, Lê Văn H, Lê Văn Th vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Đức Tr từ 12 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 12 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Văn Th từ 12 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12 đến 18 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 0,435g (không phẩy bốn trăm ba mươi lăm gam) Methamphetamine mẫu sau giám định và vỏ bao gói, 01 sim điện thoại số 0983577992. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 75C1-202.71; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số seri 1: 352885104547078, số seri 2: 352885105547077. Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu FPT màu xám đen, số Imel 1: 980056008082592, số Imel 2: 980056008153294 và sim điện thoại số thuê bao 0944671372. Trả lại cho Lê Văn M 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7-2018 màu xanh đen, số Imel: 353465/10/292832/0 và số Imel: 353466/10/292832/8 và sim điện thoại số thuê bao 0375365490.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát; trong lời nói sau cùng các bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Có căn cứ xác định: Ngày 03/12/2019, Lê Đức Tr khởi xướng và bỏ ra số tiền 200.000 đồng cùng với Lê Văn M, Lê Văn Th và Lê Văn H mỗi người bỏ ra 100.000 đồng đưa cho Nguyễn Văn T mua 06 viên hồng phiến để sử dụng thì bị bắt quả tang. Theo kết luận giám định số 1007/GĐ-PC09 ngày 06/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình: 06 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ ở Nguyễn Văn T là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,568g. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy theo Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Vì vậy, Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H phải chịu hậu quả về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận Lê Đức Tr, Lê Văn M Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Tr là người chủ động việc góp tiền mua ma túy và bỏ ra số tiền nhiều hơn những người khác; bị cáo M là người hưởng ứng tích cực, là người liên lạc mua, thỏa thuận giá, địa điểm giao nhận ma túy và giao xe mô tô cùng điện thoại của M cho T liên lạc và đi lấy ma túy nên cần phải có mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Các bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và tàng trữ trái phép khối lượng ma túy không lớn. Tuy nhiên, hành vi tàng trữ chất ma túy của các bị cáo đã xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Trong vụ án, T khai mua ma túy của một người đàn ông tên C, không rõ danh tính và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh đối tượng đã cung cấp ma túy, Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra vụ án Lê Đức Tr, Lê Văn Mh, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H tàng trữ trái phép chất ma túy, cơ quan điều tra xác định các bị cáo M, H, Tr, Th có hành vi đánh bạc với tổng số tiền bị thu giữ là 1.570.000 đồng, không đủ cấu thành tội đánh bạc. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện Lệ Thủy để xử lý hành chính về hành vi đánh bạc. Hội đồng xét

xử đề nghị Công an huyện Lệ Thủy xử lý hành chính các đối tượng này theo thẩm quyền.

[7] Về xử lý vật chứng: Khối lượng 0,435g (không phải bốn trăm ba mươi lăm gam) Methamphetamine mẫu sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và vỏ bao gói; 01 sim điện thoại số 0983577992 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 75C1-202.71; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số seri 1: 352885104547078, số seri 2: 352885105547077 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu FPT màu xám đen, số Imel 1: 980056008082592, số Imel 2: 980056008153294 và sim điện thoại số thuê bao 0944671372. Trả lại cho Lê Văn M 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7-2018 màu xanh đen, số Imel: 353465/10/292832/0 và số Imel: 353466/10/292832/8 và sim điện thoại số thuê bao 0375365490 là phù hợp với điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, tuyên bố các bị cáo Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H, tên gọi khác: R phạm vào "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Lê Đức Tr 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/12/2019).

Lê Văn M 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/12/2019).

Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (04/12/2019).

Lê Văn Th 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/12/2019).

Lê Văn H, tên gọi khác: R 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/12/2019).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H, tên gọi khác: R với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/5/2020) để đảm bảo thi hành án theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy khối lượng 0,435g (không phải bốn trăm ba mươi lăm gam) Methamphetamine mẫu sau giám định và vỏ bao gói; 01 sim điện thoại số

0983577992. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 75C1-202.71; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số seri 1: 352885104547078, số seri 2: 352885105547077. Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu FPT màu xám đen, số Imel 1: 980056008082592, số Imel 2: 980056008153294 và sim điện thoại số thuê bao 0944671372. Trả lại cho Lê Văn M 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7-2018 màu xanh đen, số Imel: 353465/10/292832/0 và số Imel: 353466/10/292832/8 và sim điện thoại số thuê bao 0375365490. Các vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2020 giữa Công an huyện Lệ Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Lê Đức Tr, Lê Văn M, Nguyễn Văn T, Lê Văn Th và Lê Văn H, tên gọi khác: R mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/5/2020) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q. Bình;
- VKSND tỉnh Q. Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q. Bình;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- ĐTV, Công an huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Xuân Toàn

Ngô Mậu Hiệu

Nguyễn Ngọc Sơn

được gói bằng túi ni lon màu trắng (ngoài có ghi chữ “TA”) được đựng trong một phong bì thư ghi “451/GĐ-PC09” “Mẫu ký hiệu A” dán kín, được niêm phong bằng các chữ ký của những người tham gia niêm phong và dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình

Tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2019 giữa Công an huyện Lệ Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
NAM

QUẢNG BÌNH

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY

Số: /CT-VKSNDLT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lệ Thủy, ngày tháng 3 năm 2020

CÁO TRẠNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY

- Căn cứ các Điều 41, 236, 239 và 243 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ quyết định khởi tố vụ án hình sự số 80/CSĐT ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Quyết định khởi tố bị can số 124, 125, 126, 127, 128/CSĐT ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy đối với Nguyễn Văn Tứ, Lê Văn Thân, Lê Văn Minh, Lê Văn Hoài, Lê Đức Trường về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Căn cứ bản Kết luận điều tra số 11/CSĐT ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy.

Nơi nhận:

KT/VIỆN TRƯỞNG

- VKSND tỉnh QB
- CQĐT- CA LT
- Hồ sơ vụ án
- Hồ sơ KSĐT
- Bị can
- Lưu

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Trần Quang Hoàn